TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2026/HC-PT
Ngày: 26 - 01 - 2026
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 214/2025/TLPT-HC ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 111/2025/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét sử số 1884/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1965 (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1967 (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1968 (vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1970 (vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1974 (vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1979 (có mặt);

7. Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông D, ông T1, bà H, bà T2, bà M: Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 281A Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh).

- *Người bị kiện*: Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Tây Ninh) (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khối nhà Cơ quan 3 – Khu Trung tâm Chính trị Hành chính tỉnh Tây Ninh, số 04 Đường S, phường L1, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Bùi Thanh S (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tung và tại phiên tòa của người khởi kiện có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh T3 yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 970733 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn B1 vào ngày 20/12/2016 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, diện tích 302,5m^2; tọa lạc Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Lý do: Diện tích phần mương thoát nước mưa, nước sinh hoạt và cả lối đi chung giữa gia đình nhà bà T3 với nhà ông B1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B1 ngày 20/12/2016 đối với thửa đất 50, tờ bản đồ số 55. Do đó, ngày 20/02/2024 bà T3 làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 970733 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55; tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Nguyễn Văn B1 vào ngày 20/12/2016 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T3.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T3 yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B1 tại khu 3, khu 4, khu 5, khu 6, khu 7 theo mảnh trích đo bản đồ số 65-2025 ngày 29/4/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện B, riêng khu 8 và khu 9 của mảnh trích đo bà yêu cầu ông B1 trả lại vì đây là lối đi của gia đình bà có từ trước.

Tại Văn bản số 3164/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 10/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Long An trình bày có nội dung như sau:

Ngày 23/7/2010, ông Nguyễn Văn B1 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 11, tờ bản đồ số 5, diện tích 394m^2, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn. Thời điểm cấp giấy chứng nhận, vị trí thửa đất được cấp theo trích lục bản đồ địa chính được Ủy ban nhân dân xã L trích lục ngày 21/9/2009 và được Phòng Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 18/11/2009 (bản đồ tỷ lệ 1/5000 được đưa vào sử dụng năm 2008).

Ngày 27/11/2014, ông Nguyễn Văn B1 lập hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất số 11, tờ bản đồ số 5, diện tích 394m^2 thành thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, diện tích 302,5m^2 (do cấp đổi từ hệ thống bản đồ cũ sang hệ thống bản đồ mới tỷ lệ 1/2000) và được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận ngày 14/11/2015. Diện tích giảm 90,8m^2 so với giấy chứng nhận đã cấp, lý do: Ranh giới sử dụng ổn định, không mua bán chuyển nhượng thêm, không có tranh chấp. Diện tích giảm do việc xác định ranh giới sử dụng của bản đồ cũ không đúng với thực tế đang sử dụng (theo biên bản thẩm định được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận ngày 27/11/2004).

Ngày 20/10/2016, ông Nguyễn Văn B1 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 970733 (số vào sổ CS 10225), thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, diện tích 302,5m^2 (cấp đổi giấy chứng nhận đồng loạt trong dự án đo nâng tỷ lệ bản đồ). Sau khi đối chiếu giữa hồ sơ địa chính cũ và hồ sơ địa chính mới, vị trí thửa đất số 11, bản đồ số 5 (bản đồ cũ) và thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55 (bản đồ mới) là cùng một vị trí, tuy nhiên về diện tích sau khi cấp đổi có thay đổi (giảm 90,8m^2) so với giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 23/7/2010 và hình thể thửa đất có thay đổi so với bản đồ địa chính tại thời điểm cấp giấy.

Do đó, đối với yêu cầu của người khởi kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trường tỉnh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn B1 vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày theo biên bản hòa giải ngày 30/8/2023, ông B1 thống nhất đường thoát nước cặp bên hông vách tường nhà bà Thanh và nhà ông B1, đoạn trên ông B1 đã xây dựng nữa mương nước, phần nữa mương nước còn lại thuộc nhà bà Thanh, đoạn còn lại thì mỗi bên một nữa con mương thoát nước. Ông B1 đề nghị ngành chức năng điều chỉnh diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng.

Về phần lối đi chung và mương thoát nước từ lộ liên ấp vào nhà, ông B1 không đồng ý, hiện ông B1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã xây dựng nhà ở ổn định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án số 12/2025/QĐ-TA ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh M.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 970733 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn B1 vào ngày 20/12/2016 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, diện tích 302,5m^2 tại khu 4, khu 5 và khu 7 của mảnh trích đo địa chính số 65- 2025 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B lập ngày 29/4/2025; tọa lạc Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh M được quyền đăng ký, kê khai để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn B1 theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/7/2025 người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T3 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T3 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện xin xét vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người khởi kiện trình bày: Phía người bị kiện thừa nhận khu 6 theo Mảnh trích đo địa chính số 65-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B xét duyệt vào ngày 29/4/2025 của gia đình bà, đề nghị Tòa án tuyên khu 6 kèm khu 4, 5, 7 để gia đình bà làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về nội dung nêu trong đính chính thì khu 6 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị Thanh (mẹ của bà), không phải là của bà Nguyễn Thị Thanh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Theo Mảnh trích đo địa chính số 65-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B xét duyệt vào ngày 29/4/2025 và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm, thì Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B1 đối với thửa đất số 50 trong đó có vị trí khu 4, 5, 7 hiện ông B1 sử dụng một phần, gia đình bà T3 sử dụng một phần. Do đó việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B1 đối với 03 khu đất này là không đúng đối tượng sử dụng. Khu 3 là đất công cộng, không nằm trong quyền sử dụng đất của ông B1; Khu 6 thuộc thửa đất số 49 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thanh (mẹ bà T3); Khu 8, 9 thuộc phạm vi giải quyết vụ án dân sự. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của gia đình bà T3 hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông B1 tại vị trí khu 4, 5, 7 là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Thanh T3 và đồng khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 970733 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn B1 vào ngày 20/12/2016 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, diện tích 302,5m^2; tọa lạc Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An vì lý do: Theo Mảnh trích đo địa chính số 65-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B xét duyệt vào ngày 29/4/2025 thì phần đất tại khu 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 là diện tích phần mương thoát nước mưa, nước sinh hoạt và lối đi chung giữa gia đình bà T3 và ông B1. Ngoài ra, người khởi kiện yêu cầu ông B1 trả lại phần đất tại khu 8, 9 vì đây là lối đi của gia đình người khởi kiện có từ trước.

Người bị kiện Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Tây Ninh) đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An (Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 970733 ngày 20/12/2016

cho ông Nguyễn Văn B1 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, diện tích 302,5m^2; tọa lạc Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An, trong đó có các vị trí tại khu 4, khu 5, khu 7. Tuy nhiên qua đo vẽ và lời trình bày của ông B1 thì tại các khu 4 có diện tích 2,6m^2, khu 5 có diện tích là 10m^2, khu 7 có diện tích 1,1m^2 của mảnh trích địa chính số 65-2025 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B lập ngày 29/4/2025 thì tại các khu đất trên hiện ông B1 sử dụng một phần, gia đình bà T3 sử dụng một phần. Nội dung này được chứng minh qua lời trình bày của bà T3, ông B1 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Long An vào các ngày 07/6/2024, 16/7/2024, 19/12/2024 và mảnh trích đo địa chính số 65-2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện B xét duyệt vào ngày 29/4/2025.

Như vậy, có cơ sở xác định Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An (Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 970733 ngày 20/12/2016 cho ông Nguyễn Văn B1 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, diện tích 302,5m^2 tại khu 4, khu 5 và khu 7 của mảnh trích đo địa chính số 65- 2025 ngày 29/4/2025 là không đúng vị trí, đối tượng và diện tích thực tế sử dụng, không đúng quy định tại Điều 99, Điều 100, 166 Luật Đất đai năm 2013.

Vị trí khu 3 là đất công cộng, không nằm trong quyền sử dụng đất của ông B1. Vị trí khu 6 thuộc thửa đất số 49 (thừa cũ là thửa số 10) đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Thanh (mẹ bà T3) không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B1. Ngoài ra, bà T3 có yêu cầu ông B1 trả lại phần đất là lối đi tại vị trí khu 8 và khu 9 của mảnh trích đo, xét đây là quan hệ dân sự về tranh chấp lối đi, do đó bà T3 được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T3; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B1 đối với vị trí đất tại khu vực 4, 5, 7.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và quyết định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh, nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông B1, nhưng không có nội dung quyết định để ông B1 đăng ký, kê khai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đảm bảo cho việc thi hành án và ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp cho ông B1, vì yêu cầu khởi kiện của bà T3 chỉ có căn cứ chấp nhận đối với phần diện tích tại khu 4, 5, 7; phần diện tích còn lại của thửa 50 vẫn thuộc quyền sử dụng của ông B1. Do đó, Hội đồng xét xử bổ sung nội dung này trong phần quyết định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản

án sơ thẩm nhưng có điều chỉnh bổ sung phần quyết định theo nội dung nhận định trên.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T3; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 111/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh), nhưng có điều chỉnh bổ sung phần quyết định.

Áp dụng Điều 99, Điều 100, 166 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh M.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 970733 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn B1 vào ngày 20/12/2016 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, diện tích 302,5m^2 tại khu 4, khu 5 và khu 7 của mảnh trích đo địa chính số 65- 2025 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B lập ngày 29/4/2025; tọa lạc Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn B1 được quyền đăng ký, kê khai để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp quyền sử dụng đất cho Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn B1 theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T3 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000161 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- NKK (7);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 24b (ÁnTTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên